TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DSST
Ngày 29/9/2025
V/v: Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Cường

Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- ***Thư ký Tòa án:*** Bà Vũ Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/9/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2025/TLST-DS ngày 26/5/2025 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-DS ngày 28/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐST-DS ngày 12/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn L, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978.

Địa chỉ: thôn L, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đào Thị P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: thôn L, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*******Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/5/2025, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình trình bày lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Anh T và anh N có quan hệ họ hàng, do cần tiền kinh doanh nên anh N hỏi vay anh T tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần 1: khoảng tháng 9/2022 anh N hỏi vay anh T số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên nhất trí và thỏa thuận lãi suất vay là 2%/một tháng, hẹn đến tháng 6 năm

2023 trả nợ. Số tiền 100.000.000 đồng này khoảng giữa tháng 9 năm 2022 anh T đã đưa tiền mặt cho anh N, việc giao nhận tiền hai bên không lập biên bản và không có người chứng kiến.

Lần 2: ngày 11/10/2022 anh N hỏi vay anh T 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2%/ một tháng, hạn đến tháng 6 năm 2023 trả. Số tiền 100.000.000 đồng này anh T dùng số tài khoản 0979107218 mở tại ngân hàng Q mang tên Nguyễn Ngọc T chuyển vào tài khoản số 868838333888 mở tại ngân hàng Q mang tên Nguyễn Văn N hai lần: lần 1 ngày 11/10/2022 chuyển số tiền 95.000.000 đồng, lần 2 ngày 04/11/2022 chuyển số tiền 5.000.000 đồng. Các lần chuyển tiền anh T đều không ghi nội dung chuyển khoản là gì.

Kèm theo đơn khởi kiện anh T có giao nộp cho Tòa án một USB làm bằng chứng về việc anh cho anh N vay tiền, tuy nhiên qua làm việc anh T trình bày: USB ghi lại cuộc nói chuyện giữa anh và anh N vào khoảng tháng 3 năm 2025, nội dung cuộc nói chuyện chỉ thể hiện việc anh và anh N nói chuyện về việc trả nợ, không thể hiện được nội dung anh cho anh N vay cụ thể bao nhiêu tiền, lãi suất và thời hạn trả nợ như thế nào.

Trong đơn khởi kiện anh đề nghị anh Nguyễn Văn N trả anh tổng số 248.000.000 đồng, trong đó 200.000.000 đồng tiền gốc và 48.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất 1%/ một tháng tính từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 6 năm 2025). Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2025, anh T thay đổi yêu cầu khởi kiện, anh rút một phần yêu cầu đòi nợ gốc và toàn bộ yêu cầu về tiền lãi, anh chỉ yêu cầu anh N trả anh 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn số nợ gốc còn lại và toàn bộ tiền lãi anh sẽ yêu cầu giải quyết sau. Về nguồn gốc số tiền cho anh N vay, anh T trình bày đó là tài sản riêng của anh không liên quan gì đến chị Đào Thị P vợ anh, anh N sống một mình không có vợ con. Anh xác định việc vay mượn giữa anh và anh N không liên quan đến ai khác.

Ngoài ra anh T không yêu cầu anh N trả thêm khoản tiền nào khác. Trong quá trình chuẩn bị xét xử anh T có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

- *Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn N*: đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- *Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đào Thị P có văn bản trình bày:* chị là vợ anh Nguyễn Ngọc T nhưng chị không liên quan gì đến việc anh T cho anh N vay tiền và chị P xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: nguyên đơn và người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng qui định, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật. Tuy nhiên Viện kiểm sát không có kiến nghị.

Đề nghị áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Điều 6, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q1, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T. Buộc anh Nguyễn Văn N phải trả anh Nguyễn Ngọc T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng. Thời gian trả nợ kể từ ngày bản án có hiệu lực và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn N phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: anh Nguyễn Ngọc T đề nghị anh Nguyễn Văn N phải trả số tiền vay. Do đó xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo qui định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Nguyễn Văn N là bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang cũ nay là xã L, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũ nay là Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo lời khai và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp có căn cứ xác định: Giữa anh Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Văn N có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, hai bên thỏa thuận số tiền vay bằng miệng, không lập thành văn bản. Theo đó anh T có chuyển khoản cho anh N hai lần: lần 1 ngày 11/10/2022 chuyển số tiền 95.000.000 đồng, lần 2 ngày 04/11/2022 chuyển số tiền 5.000.000 đồng, các lần chuyển tiền anh T đều không ghi nội dung chuyển khoản là gì. Ngoài ra chỉ căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ không thể hiện được việc hai bên thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất cho vay.

Tại đơn khởi kiện anh T đề nghị anh N trả tổng số 248.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng tiền gốc và 48.000.000 đồng tiền lãi). Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2025 anh T thay đổi yêu cầu, anh rút một phần yêu cầu về tiền vay gốc và toàn bộ tiền lãi, chỉ yêu cầu anh N trả 100.000.000 đồng, số tiền còn lại anh sẽ xem xét đề nghị giải quyết sau. Hội đồng xét xử thấy việc thay đổi yêu cầu này của anh T là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện, không làm xấu hơn nghĩa vụ trả nợ của bị đơn nên cần được chấp nhận. Các nghĩa vụ khác của anh N nếu có anh T có thể yêu cầu giải quyết trong vụ án khác là phù hợp quy định pháp luật.

Về phía bị đơn, quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử vụ án và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh Nguyễn Văn N có đăng ký thường trú tại thôn L, xã C, tỉnh Bắc Ninh. Anh N hiện không có vợ, hay vắng mặt tại nơi thường trú, tuy nhiên trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thỉnh thoảng anh N vẫn có mặt tại nhà. Nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành thủ tục hòa giải nhưng anh N vắng mặt không có lý do nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Qua xác minh tại Ngân hàng Q chi nhánh L thể hiện số tài khoản 868838333888 mở tại ngân hàng Q mang tên Nguyễn Văn N địa chỉ tại thôn L, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang nay là thôn L, xã C, tỉnh Bắc Ninh, mở ngày 14/9/2021.

- Chị Đào Thị P là vợ anh Nguyễn Ngọc T nhưng chị không liên quan gì đến việc anh T cho anh N vay tiền nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy việc anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu anh Nguyễn Văn N trả lại số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của anh T được chấp nhận nên anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo qui định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 116, 117, 118, 119, 357, 463, 466, 468 và 467 của Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 150, 227, khoản 1 Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Ngọc T.

Buộc anh Nguyễn Văn N phải trả anh Nguyễn Ngọc T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn N phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thân Thị Hải Minh